

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 37/2020/HS-ST  
Ngày 08-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH QUẢNG NAM**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Huỳnh Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Việt Chiến.

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị H;** Sinh ngày 05 tháng 6 năm 1970, tại: huyện N, Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Nguyễn H2 và bà Lê Thị M (đã chết); Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Phan V; sinh năm: 1965; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

**2. Phan Văn HV;** Sinh ngày 28 tháng 12 năm 1994, tại: huyện N, Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị sản phẩm; Con ông Phan V; sinh năm: 1965 và bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1970; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Trần Thị T; sinh năm: 1994; Bị cáo có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Hồ Tấn C, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị T, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn P, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2. Trần Quang T2, sinh năm 1987; Trú tại: Khối phố H, phường H1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Nguyễn V, sinh năm 1994; Trú tại: Khối phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Hoàng Dzũ L sinh năm 1994; Trú tại: Số nhà 255 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 01-11-2019, Nguyễn Thị H đang đi trên đường Lý Thường Kiệt, thành phố T thì nhìn thấy ông Hồ Tấn C đang ngồi trong quán cà phê S cùng với bạn. Vì ông C còn nợ bị cáo H số tiền 75.000.000 đồng (*bảy mươi lăm triệu đồng*) từ năm 2016 đến nay vẫn chưa trả, H đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T nhưng vẫn chưa được giải quyết nên khi nhìn thấy ông C, H liền vào quán cà phê gặp và hỏi ông C về việc trả tiền nợ cho mình. Ông C hẹn H khi nào làm có tiền sẽ trả nợ. Lúc này, H nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xanh, biển số 92H1 - xxx của ông C để phía trước quán cà phê nên nảy sinh ý định lấy chiếc xe này để ép buộc ông C phải trả nợ cho mình. H đi ra ngoài quán cà phê, lấy điện thoại di động ra gọi cho con trai của mình là Phan Văn HV bảo V chạy đến quán cà phê S có tí việc thì V đồng ý. Khi V đến thì H từ trong quán cà phê đi ra nói với V: *“Mẹ thấy được ông C rồi, mẹ mừng quá, chừ mẹ phải lấy xe ông để buộc thế ông phải trả nợ cho mẹ!”*, V hỏi lại *“Làm sao mà lấy?”* thì H bảo: *“Chừ con nhờ bạn với kêu xe ba gác đến chở!”*, V đồng ý. Sau đó, H tiếp tục vào quán cà phê ngồi cùng bàn nói chuyện với ông C để chờ xe ba gác đến. V đứng ngoài quán cà phê, gọi điện thoại cho vợ là Trần Thị T lúc này đang ở cửa hàng mô tơ N bảo gọi giúp V một chiếc xe ba gác máy đến quán cà phê S thì T đồng ý. T đi ra phía trước tiệm mô tơ thuê anh Trần Quang T2 điều khiển xe ba gác máy màu xanh, không rõ biển số đến chở xe mô tô ở quán cà phê S thì anh T2 đồng ý và chạy xe đi. V tiếp tục gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Văn H nhờ H đi đến quán cà phê S để giúp V khiêng chiếc xe máy thì H đồng ý và H bảo Hoàng Dzũ L đi cùng thì L cũng

đồng ý. Khi H và L đến quán cà phê S gặp V được vài phút thì anh T2 chạy xe ba gác máy đến, V yêu cầu dừng xe trước quán cà phê. Lúc này, H thấy V cùng xe ba gác máy đến liền nói với ông C: “*Chừ tui lấy chiếc xe cho anh có trách nhiệm, mang tiền vô cho tui rồi anh lấy xe về*” rồi H đi ra chỉ cho V chiếc xe mô tô của ông C. V đi lại dắt chiếc xe mô tô của ông C thì ông C dùng tay kéo đuôi xe lại nhưng chưa kịp kéo thì bị V hất đẩy tay ra, ông C sợ bị đánh nên đứng lui vào trong vỉa hè và nói: “*Tụi bây không được làm rứa!*”, V nói lại: “*Chừ ông không trả tiền cho mẹ tui thì tui lấy xe máy trước, ông đem tiền vào trả thì lấy xe máy về*”, ông C lại nói: “*Tụi bay làm rứa tau báo Công an*” thì V thách thức: “*Ông báo đi!*” rồi gọi H và L lại cùng anh T2 và V khiêng chiếc xe mô tô của ông C lên thùng xe ba gác máy. Ông C không dám ra can ngăn, cũng không có giằng co hay cãi vã lớn tiếng mà lấy điện thoại ra chụp hình việc người khác lấy xe của mình. Khiêng xong xe mô tô thì V đứng trên thùng xe ba gác máy để anh T2 chở đi về nhà của V ở xã T1, huyện N, còn H, L và H đi xe mô tô riêng về.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xanh, biển số 92H1 - xxx;

- 01 (một) mũ bảo hiểm loại trùm đầu bằng nhựa, màu xanh của ông Hồ Tấn C. [BL: 37, 69]

Theo Kết luận định giá tài sản số 119/KL-HĐĐG ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tam Kỳ kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xanh, biển số 92H1 - xxx có giá trị 30.100.000đ (ba mươi triệu một trăm nghìn đồng) đồng; mũ bảo hiểm loại trùm đầu bằng nhựa, màu xanh có giá trị 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), tổng giá trị 2 tài sản trên là 30.150.000 đ (ba mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). [BL: 22-23]

*\* Những vấn đề liên quan trong vụ án:*

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xanh, biển số 92H1 - xxx và 01 (một) mũ bảo hiểm loại trùm đầu bằng nhựa, màu xanh của ông Hồ Tấn C, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Hồ Tấn C. Ông C không có yêu cầu gì thêm về dân sự;

- Đối với 02 điện thoại di động mà Nguyễn Thị H và Phan Văn HV đã sử dụng vào hành vi phạm tội của mình, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T không thu hồi được do các bị cáo đã làm mất nên không đề cập đến.

- Đối với Trần Quang T2, Nguyễn Văn H, Hoàng Zdũ L là những người giúp Nguyễn Thị H, Phan Văn HV lấy xe mô tô của ông C nhưng những người

này không biết mục đích lấy xe của H và V, không nghe nội dung nói chuyện giữa H, V và ông C nên không đề cập xử lý đối với những người này;

- Đối với Trần Thị T là người gọi xe ba gác cho V, T không biết mục đích V thuê xe ba gác nhằm chiếm đoạt tài sản nên không đề cập xử lý đối với T;

- Đối với xe ba gác Trần Quang T2 sử dụng để chở xe mô tô của ông C, T2 khai mua lại ở tỉnh Đ nhưng không có giấy tờ xe. Ngày 03/11/2019, T2 điều khiển xe đến ngã tư N - T để chờ khách thì có 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) hỏi mua, T2 đã bán chiếc xe này.

Về dân sự: Ông Hồ Tấn C không có yêu cầu gì về dân sự.

Cáo trạng số 34/CT-VKSTK ngày 11-3-2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Văn HV về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

- Nguyễn Thị H: từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Phan Văn HV: từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 01-11-2019, tại quán cà phê S, bị cáo Nguyễn Thị H và Phan Văn HV đã có hành vi uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade và 01 (một) mũ bảo hiểm của ông Hồ Tấn C với tổng giá trị là 30.150.000 đồng (ba mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) để buộc ông Hồ Tấn C phải trả cho bị cáo H số tiền mà ông C đã mượn trước đó. Đối chiếu

lời khai nhận tội của các bị cáo với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị H và Phan Văn HV đủ yếu tố cấu thành tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

[2.2] Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đều được pháp luật bảo vệ và luôn có những chế tài xử lý đối với những hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo Nguyễn Thị H và Phan Văn HV là những người có đủ khả năng nhận thức được điều đó nhưng do ý thức coi thường pháp luật đã chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị H và Phan Văn HV cùng nhau thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại nhưng hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo H giữ vai trò chính là người rủ rê bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội, do đó mức hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo H cao hơn bị cáo V là phù hợp.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện, các bị cáo phạm tội trong trường hợp bị bức xúc do bị hại cũng có một phần lỗi là không chịu trả nợ cho gia đình bị cáo, bị cáo H hiện còn bị bệnh rối loạn tiền đình, kinh tế hiện đang khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định loại hình phạt, mức hình phạt đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe giáo dục, vừa đảm bảo công tác phòng chống tội phạm tại địa phương.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, xét chỉ cần áp dụng loại hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật

[2.3] Ngoài hình phạt chính, theo khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng hiện nay kinh tế gia đình các bị cáo đang gặp khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan khác:

- Phần dân sự: Các bên đã thỏa thuận giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade màu xanh, biển số 92H1 - xxx và 01 (một) mũ bảo hiểm loại trùm đầu bằng nhựa, màu xanh của ông Hồ Tấn C, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra quyết

định xử lý vật chứng trả lại cho ông Hồ Tấn C là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*\* Những vấn đề liên quan trong vụ án:*

- Đối với Trần Quang T2, Nguyễn Văn H, Hoàng Zdũ L là những người giúp Nguyễn Thị H, Phan Văn HV lấy xe mô tô của ông C nhưng những người này không biết mục đích lấy xe của H và V, không nghe nội dung nói chuyện giữa H, V và ông C nên không đề cập xử lý đối với những người này là có căn cứ;

- Đối với 02 điện thoại di động mà Nguyễn Thị H và Phan Văn HV đã sử dụng vào hành vi phạm tội của mình, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T không thu hồi được do các bị cáo đã làm mất và làm hư hỏng nên không đề cập đến.

- Đối với Trần Thị T là người gọi xe ba gác cho V, T không biết mục đích V thuê xe ba gác nhằm chiếm đoạt tài sản nên không đề cập xử lý đối với T là có cơ sở;

- Đối với xe ba gác Trần Quang T2 sử dụng để chở xe mô tô của ông C, T2 khai mua lại ở tỉnh Đ nhưng không có giấy tờ xe. Ngày 03/11/2019, T2 điều khiển xe đến ngã tư N - T để chờ khách thì có 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) hỏi mua, T2 đã bán chiếc xe này nên không đề cập đến.

[2.5] *Về án phí:* các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Văn HV phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 15 (*Mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08-5-2020.

Xử phạt bị cáo Phan Văn HV 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08-5-2020.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Văn HV cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở

lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Nguyễn Thị H, Phan Văn HV mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh, thành phố;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Đinh Thị Huỳnh Lý**